CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN – BÌNH TÂY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SAIGON BINH TAY BEER GROUP JOINT STOCK COMPANY	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence - Freedom – Happiness
Số/No 248 /2026/SBB	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026*
	Ho Chi Minh City, October 29 ,2026

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý III năm 2026, kết thúc tại ngày 30/09/2026)

(Information disclosure of Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the Third Quarter III of year 2026 Ended September 30, 2026)

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội
Respectfully to: The State Securities Commission
Ha Noi City Stock Exchange

V/v: Công bố Báo cáo Tài chính Riêng và Hợp nhất Quý III năm 2026 và giải trình kết quả SXKD so với cùng kỳ năm 2025

Re: Disclosure of the Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the Third Quarter of year 2026 and Explanation of Business Results Compared to the Same Period in 2025

Tên tổ chức	: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây
Organization name	*: Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company*
Mã chứng khoán	**: SBB**
Stock code	***: SBB***
Địa chỉ	: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address	*: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Sai Gon Ward, HCM City, Vietnam*

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính hằng quý, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (Mã chứng khoán SBB) xin thuyết minh, trình bày các thông tin như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 Nov, 2020 of the Ministry of Finance regarding information disclosure of Quarterly Financial Statement, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company (Stock code: SBB) would like to provide information and explanations as follows:

1- Báo cáo kết quả kinh doanh riêng quý III/2026.

Separate statement of income for the Third quarter of year 2026 ended September 30, 2026.

CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Mã Code	Quý III Quarter III of year		Biến động QIII.2026/QIII.2025 Variance for QIII 2026 compared to QIII 2025	
			2026	2025	Amount	%
1	1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1. Revenues from sales and services rendered	01	390.059.712.577	412.960.455.344	(22.900.742.767)	-5,55%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2. Revenue deductions	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3. Net sales from goods and services sold	10	390.059.712.577	412.960.455.344	(22.900.742.767)	-5,55%
4. Giá vốn hàng bán	4. Costs of goods sold	11	353.801.946.638	366.693.537.271	(12.891.590.633)	-3,52%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**5. Gross profit from goods and services sold**	**20**	**36.257.765.939**	**46.266.918.073**	**(10.009.152.134)**	**-21,63%**
7. Doanh thu hoạt động tài chính	7. Revenue from financing activity	22	65.622.558.982	6.105.770.738	59.516.788.244	974,76%
9. Chi phí tài chính	9. Financial activities expenses	23		2.464.920.367	(2.464.920.367)	-100,00%
- Trong đó: Chi phí đi vay	*- In which: Interest expense*	24		2.464.781.056	(2.464.781.056)	-100,00%
10. Chi phí bán hàng	10. Selling expenses	*25*	1.228.985.993	1.667.147.307	(438.161.314)	-26,28%
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11. General & administration expenses	26	10.471.927.929	5.560.267.287	4.911.660.642	88,33%
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (24+ 26 + 27)}	**12. Net profit from operating activity**	**30**	**90.179.410.999**	**42.680.353.850**	**47.499.057.149**	**111,29%**
13. Thu nhập khác	13. Other incomes	31	61.570.767	58.773.635	2.797.132	4,76%
14. Chi phí khác	14. Other expenses	32	228.167.845	783.856.079	(555.688.234)	-70,89%
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	15. Other profits (40 = 31 - 32)	40	(166.597.078)	(725.082.444)	558.485.366	77,02%
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**16. Total accounting profit before tax**	**50**	**90.012.813.921**	**41.955.271.406**	**48.057.542.515**	**114,54%**
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17. Current profit tax expense	51				
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18. Deferred profit tax expense	52				
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**19. Profit after profit tax**	**60**	**90.012.813.921**	**41.955.271.406**	**48.057.542.515**	**114,54%**

- *Mặc dù lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tăng 47,50 tỷ đồng, tương ứng tăng 111,29%. Nguyên nhân chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính tăng 59,52 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, đồng thời chi phí tài chính giảm 2,46 tỷ đồng và chi phí bán hàng giảm 438,16 triệu đồng. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,91 tỷ đồng, tương ứng tăng 88,33%.*
- *Although gross profit decreased compared with the same period last year, the Company's net profit from operating activities increased by VND 47.50 billion, representing an increase of 111.29%. This increase was mainly attributable to a rise of VND 59.52 billion in revenue from financial activities compared with the same period last year, together with a decrease of VND 2.46 billion in financial expenses and a decrease of VND 438.16 million in selling expenses. Meanwhile, general and administrative expenses increased by VND 4.91 billion, or 88.33%.*

2- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý III/2026.

Consolidated statement of income for the Third quarter of 2026 ended September 30, 2026.

Chỉ tiêu	Description	Mã Code	Quý III Quarter III of year		Biến động QIII.2026/QIII.2025 Variance for QIII 2026 compared to QIII 2025	
			2026	2025	Amount	%
[1]		[2]	[4]	[5]	6 =[4]-[5]	[7]=[6]/[5]
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenues from sales and services rendered	01	790.962.326.606	744.803.518.106	46.158.808.500	6,20%
Các khoản giảm trừ doanh thu	Revenue deductions	02	-	-	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net sales from goods and services sold	10	790.962.326.606	744.803.518.106	46.158.808.500	6,20%
Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold	11	716.731.037.772	659.020.105.181	57.710.932.591	8,76%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Gross profit from goods and services sold**	**20**	**74.231.288.834**	**85.783.412.925**	**(11.552.124.091)**	**-13,47%**
Doanh thu hoạt động tài chính	Revenue from financing activity	22	4.878.119.054	2.519.122.875	2.358.996.179	93,64%
Chi phí tài chính	Financial activities expenses	23	135.199.951	2.464.920.367	(2.329.720.416)	-94,52%
- Trong đó: Chi phí đi vay	*- In which: Interest expense*	24		2.464.781.056	(2.464.781.056)	-100,00%
Chi phí bán hàng	Selling expenses	*25*	2.195.324.326	2.424.101.893	(228.777.567)	-9,44%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	General & administration expenses	26	19.081.721.431	11.761.111.732	7.320.609.699	62,24%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty Liên doanh, Liên kết	Shares of profit of associates, joint-ventures	27	-	-	-	0,00%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 +23- (24+ 26 + 27)}	**Net profit from operating activity**	**30**	**57.697.162.180**	**71.652.401.808**	**(13.955.239.628)**	**-19,48%**
Thu nhập khác	Other incomes	31	401.727.867	71.953.484	329.774.383	458,32%
Chi phí khác	Other expenses	32	678.093.799	790.239.058	(112.145.259)	-14,19%
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profits	40	(276.365.932)	(718.285.574)	441.919.642	61,52%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**Total accounting profit before tax**	**50**	**57.420.796.248**	**70.934.116.234**	**(13.513.319.986)**	**-19,05%**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current profit tax expense	51	3.721.480.996	5.193.489.006	(1.472.008.010)	-28,34%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred profit tax expense	52	(207.716)	(450.594.484)	450.386.768	99,95%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**Profit after profit tax**	**60**	**53.699.522.968**	**66.191.221.712**	**(12.491.698.744)**	**-18,87%**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	Earning per share (*)	70	614	735	(121)	-16,51%

➢ *Mặc dù doanh thu Quý III năm 2026 tăng 6,20% so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn giảm 18,87%. Nguyên nhân do giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn doanh thu, lợi nhuận gộp giảm, tác động ảnh hưởng bởi giá cả nguyên vật liệu tăng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi.*

- *Although the Company's revenue for the third quarter of 2026 increased by 6.20% compared with the same period last year, profit after corporate income tax nevertheless decreased by 18.87%. This decline was mainly attributable to cost of goods sold increasing at a faster rate than revenue, resulting in lower gross profit due to rising raw material prices, as well as an increase in general and administrative expenses arising from the provision for doubtful receivables.*

Chúng tôi xin được đính kèm Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc tại 30/09/2026.

We would like to attach the separate and consolidated financial statements for the period as at September 30, 2026.

Trân trọng ./.

Respectfully./.

M.S.D.N: 0304116373 CÔNG TY C.P CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lee Chio Lim Larry

Đại diện tổ chức/*Representative*
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization

Tài liệu đính kèm:

☐ BCTC riêng Quý III/2026 kết thúc tại ngày 30/09/2026 /*Separate interim Financial Statements for the Quarter III/2026 period ended September 30, 2026*

☐ BCTC hợp nhất Quý III/2026 kết thúc tại ngày 30/09/2026 /*Consolidated Financial Statements for the Quarter III/2026 period ended September 30, 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
Date: 2026.10.30 00:19:29 +07'00'

C.T.C.P * HỒ CHÍ MINH *